

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim P.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Ngọc Trâm.

2. Bà Võ Thị Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị ĐTKTr, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số 2380, ấp TTh, xã VH, huyện GCT, tỉnh TG.

Chỗ ở hiện nay: Lầu 1, số 19, đường Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Bị đơn:** Anh NTP, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ô 2/75B, ấp TL, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2018 và biên bản hòa giải ngày 25/6/2018, nguyên đơn chị ĐTKTr trình bày:

Chị Tr và anh NTP chung sống vợ chồng vào tháng 10/2014, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện HT. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh P thường xuyên uống rượu, đánh đập, dùng lời lẽ xúc phạm chị Tr. Ngoài ra, anh P còn thường xuyên cờ bạc và thiếu nợ của nhiều người, chị Tr nhiều lần đề nghị ly hôn, mỗi lần như vậy, anh P lại hành hạ chị Tr nhiều hơn. Khoảng tháng 02/2015, do không chịu đựng được nữa nên chị Tr bỏ về nhà bà nội chị Tr sống, được khoảng 02 tuần thì anh P lại năn nỉ chị Tr. Chị Tr nghĩ anh P sẽ thay đổi nhưng sau khi về được khoảng 01 tuần anh P trở lại như cũ. Đến ngày 30/4/2015, anh P bị công an quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giam về tội: “Trộm cắp tài sản”, kết án bao nhiêu tháng tù chị Tr không biết chính xác. Sau khi anh P bị bắt chị Tr có đi thăm 01 lần thì gia đình anh P không cho chị Tr đi thăm nữa, từ đó đến nay chị Tr không có gặp anh P lần nào. Tháng 05/2017, anh P được ra tù, anh P có điện thoại cho chị Tr kêu chị Tr về nhà anh P ở TN sống thì chị Tr không đồng ý, sau đó anh P nhiều lần điện thoại hăm dọa chị Tr. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh P cho rõ ràng.

Về con chung: Chị Tr trình bày không có.

Về tài sản chung: Chị Tr trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2018, bị đơn anh NTP trình bày:

Anh P thống nhất lời trình bày của chị Tr về thời gian vợ chồng sống chung và thời gian đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu khoảng 04 năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, được hơn 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Tr nói anh P làm lương ít quá không đủ chi tiêu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và chị Tr nhiều lần đòi ly hôn. Ngày 30/4/2015, anh P bị bắt về tội: “Trộm cắp tài sản” và bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh kết án là 02 năm 03 tháng tù. Trong thời gian anh P ở tù chị Tr không đến thăm anh P lần nào. Người bị hại trong vụ án là người quen của chị Tr, sau khi ra tù anh P mới biết được anh P bị chị Tr gài để phạm tội. Anh P ra tù vào ngày 02/6/2017, sau khi ra tù anh P có điện thoại cho chị Tr 01 lần, từ đó về sau không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr nộp đơn yêu

cầu ly hôn thì anh P đồng ý.

Về con chung: Anh P trình bày không có.

Về tài sản chung: Anh P trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị ĐTKTr đối với anh NTP. Con chung: Không có; Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị ĐTKTr, bị đơn anh NTP có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Tr, anh P là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về hôn nhân:

Xét về quan hệ hôn nhân của chị ĐTKTr và anh NTP thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện HT nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Tr trình bày là anh P thường xuyên cờ bạc, thiếu nợ, uống rượu về đánh đập và xúc phạm chị Tr; anh P trình bày do chị Tr nói anh làm lương thấp không đủ chi tiêu. Tháng 04/2015, anh Tr bị bắt và xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” thì vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về con chung: Chị Tr và anh P trình bày không có.

[3]. Về tài sản chung: Chị Tr và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị Tr và anh P trình bày không có.

[5]. Về án phí: Chị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị ĐTKTr đối với anh NTP.

Chị ĐTKTr được ly hôn với anh NTP.

2. Về con chung: Chị Tr và anh P trình bày không có.

3. Về tài sản chung: Chị Tr và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Tr và anh P trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị ĐTKTr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0019912 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị Tr đã nộp xong tiền án phí.

Chị ĐTKTr và anh NTP vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim P